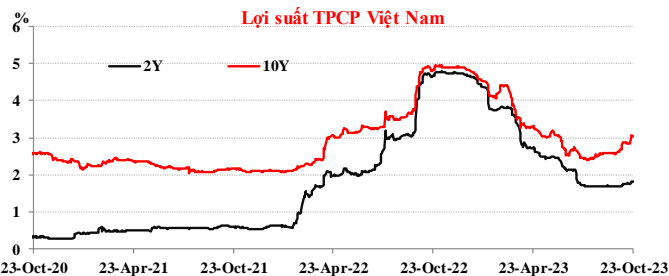

**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

Kỳ hạn	VND		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	D/D	D/D	D/D	D/D		Lợi suất	D/D
ON	2.15	0.60	5.08	0.03	3Y	1.80	0.000
1W	2.20	0.50	5.18	0.02	5Y	1.77	0.000
2W	2.32	0.49	5.27	0.03	7Y	2.72	0.015
1M	2.45	0.42	5.36	0.02	10Y	3.05	-0.010
2M	3.15	0.07	5.48	0.03	15Y	3.25	-0.019
3M	3.47	0.02	5.59	0.04			
6M	4.88	0.00	5.64	0.03			
9M	5.86	-0.12	5.78	0.05			
1Y	6.12	-0.16	5.82	0.01			


**Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 23/10/2023**

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	850.00	10,000.00	9,150.00	232,448.90
<b>Tổng</b>				<b>9,150.00</b>	

**Thị trường TPCP sơ cấp**

đơn vị: tỷ đồng

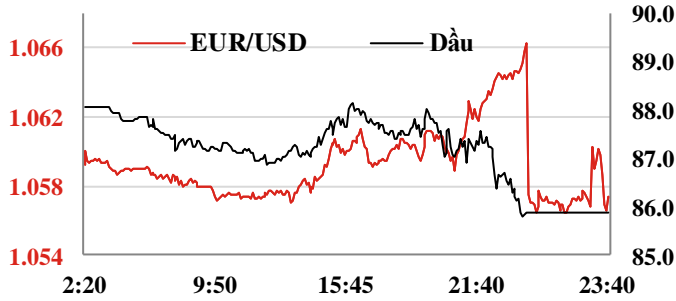
TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
VBSP	23-Oct-23	5	1000	1000	2.50%	0.00%
VBSP	23-Oct-23	10	500	0	0.00%	0.00%
VBSP	23-Oct-23	15	500	0	0.00%	0.00%
<b>Tổng</b>			<b>2000</b>	<b>1000</b>		

**Chứng khoán ngày 23/10/2023**

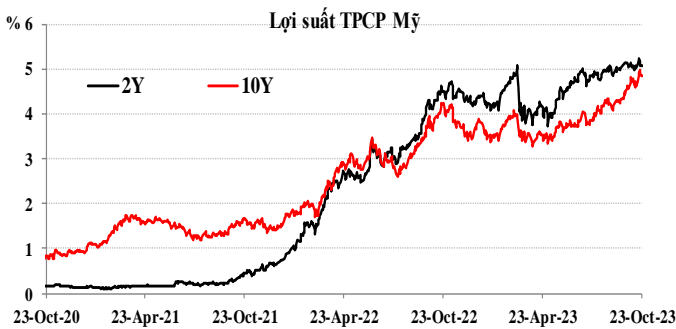
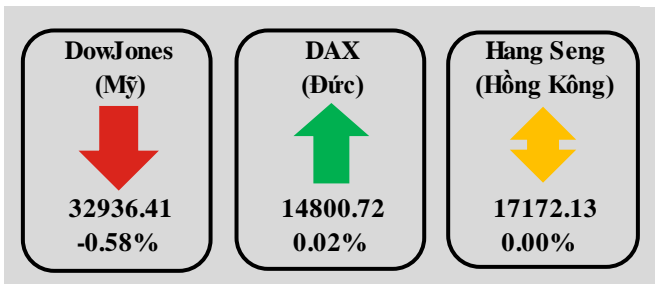
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1093.53	226.26	85.27
%/ngày	-1.31%	-0.96%	-0.41%
%/30/12/2022	8.58%	10.2%	19.0%
KLGD (tr.d.v)	563.10	63.53	23.3
GTGD (tỷ đ)	12123.97	1236.50	340.25
NĐINN mua (tỷ đ)	1825.29	39.67	22.83
NĐINN bán (tỷ đ)	1768.18	40.25	13.93

**Tin trong nước ngày 23/10**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 23/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.090 VND/USD, giảm mạnh 20 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.244 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.595 VND/USD, tăng khá mạnh 30 đồng so với phiên 20/10. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.550 VND/USD và 24.630 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 23/10, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh từ 0,42 – 0,60 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 2,15%; 1W 2,20%; 2W 2,32% và 1M 2,45%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,08%; 1W 5,18%; 2W 5,27%, 1M 5,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng ở kỳ hạn 7Y và giảm ở các kỳ hạn dài hơn, chốt phiên ở mức: 3Y 1,80%; 5Y 1,77%; 7Y 2,72%; 10Y 3,05%; 15Y 3,25%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 850 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 1,45%, có 10.000 tỷ đồng đảo hạn trong phiên 23/10. Như vậy, NHNN bơm ròng 9.150 tỷ đồng ra thị trường, đưa số tín phiếu lưu hành trên thị trường giảm xuống mức gần 232.450 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 23/10, Ngân hàng CSXH chào thầu 2.000 tỷ đồng TPCPBL, khối lượng trúng thầu là 1.000 tỷ đồng, tương đương 50%. Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu toàn bộ 1.000 tỷ đồng chào thầu với lãi suất 2,5% (không đổi so với tuần trước). Kỳ hạn 10Y và 15Y chào thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn này.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán có phiên âm đạm đầu tuần khi dòng tiền vào rất yếu. Chốt phiên, VN-Index rớt 14,50 điểm (-1,31%) về mức 1.093,53 điểm; HNX-Index giảm 2,19 điểm (-0,96%) xuống 226,26 điểm; UPCoM-Index mất 0,35 điểm (-0,41%) còn 85,27 điểm. Thanh khoản thị trường rớt mạnh với giá trị giao dịch trên 13.700 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng khoảng 65 tỷ trên cả 3 sàn.
- Giá xăng dầu trong nước ngày 23/10 được liên bộ Công Thương - Tài chính điều hành theo hướng tăng nhẹ.** Cụ thể, giá xăng E5 RON 92 tăng 458 đồng/lít, lên 22.365 đồng/lít; xăng RON 95 tăng 469 đồng/lít, lên 23.513 đồng/lít; giá dầu diesel 0.05S tăng 79 đồng/lít lên 22.489 đồng/lít; dầu hỏa tăng 289 đồng/lít lên 22.753 đồng/lít; dầu madút 180CST 3.5S tăng 375 đồng/kg lên 16.613 đồng/kg.



	23 Oct 23	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	105.54	-0.59%	-0.67%	1.95%
USD/CNY	7.32	0.00%	0.07%	6.07%
USD/EUR	0.94	-0.70%	-1.03%	0.32%
USD/JPY	149.70	-0.09%	0.13%	14.18%
USD/KRW	1342.12	-0.52%	-0.43%	6.44%
USD/SGD	1.37	-0.39%	-0.05%	2.00%
USD/TWD	32.29	-0.12%	0.19%	5.62%
USD/THB	36.29	-0.47%	0.17%	4.85%
USD/VND Trung tâm	24090	-0.08%	0.00%	2.02%
USD/VND LNH	24595	0.29%	0.51%	4.46%
USD/VND tự do	24571	0.00%	0.04%	3.68%
Vàng	1972.59	-0.43%	2.77%	8.12%
Dầu WTI	85.49	-3.67%	-1.35%	6.52%



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/07/2023	01/11/2023
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/09/2023	26/10/2023
Anh	GBP	5,25%	5,25%	03/08/2023	02/11/2023
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	31/10/2023
Australia	AUD	3,85%	4,10%	06/06/2023	07/11/2023

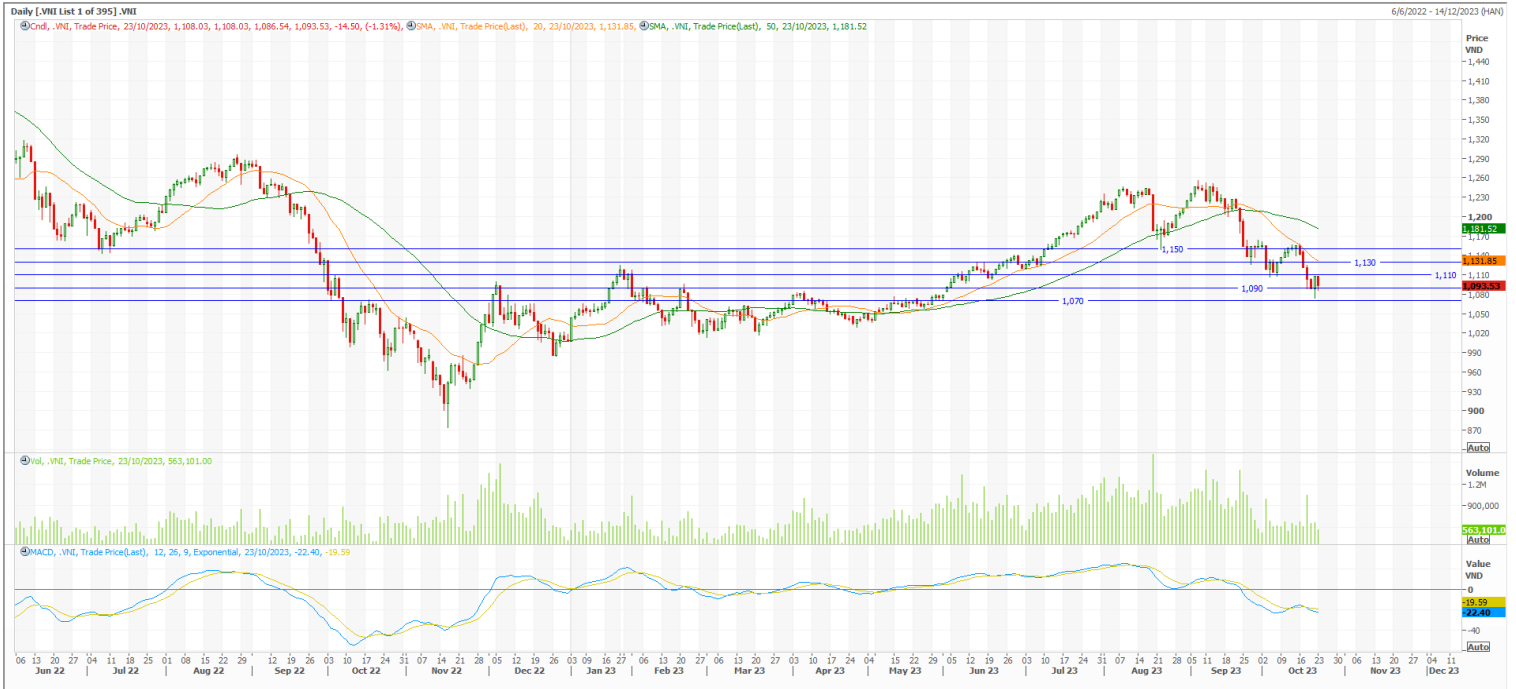
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Niềm tin tiêu dùng tại Eurozone không cải thiện trong tháng 10.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu khảo sát cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại khu vực Eurozone ở mức -18 điểm trong tháng 10, đi ngang so với mức điểm của tháng 9 và khớp với dự báo của các chuyên gia. Thị trường Eurozone tháng 10 cho thấy sự lo ngại khi giá nhiên liệu tăng trở lại và neo ở mức cao, đặc biệt là giá dầu mỏ. Bên cạnh đó, việc lạm phát vẫn ở mức cao chưa khiến các hộ gia đình mở rộng nhu cầu chi tiêu trở lại. Các chuyên gia kỳ vọng giai đoạn cuối năm sẽ chứng kiến thị trường tiêu dùng Eurozone tích cực trở lại khi có sự hỗ trợ của yếu tố mùa vụ.
- NHTW Hàn Quốc BOK dự báo kinh tế nước này tăng trưởng nhẹ trong năm 2024.** Cụ thể, Thống đốc BOK Rhee Chang-yong cho biết kinh tế Hàn Quốc sẽ đạt tăng trưởng 2,2% trong năm 2024 (năm 2022 HQ tăng 2,6%, năm 2023 được IMF dự báo tăng chỉ 1,4% và S&P Global dự báo tăng 1,6%). Tuy nhiên, ông Rhee Chang-yong cũng cảnh báo các bất ổn địa chính trị thế giới đang gia tăng và có thể tác động tới kinh tế nước này trong tương lai. BOK nêu rõ áp lực từ nhu cầu yếu cùng với việc ổn định giá nông sản sẽ giúp lạm phát chậm lại, nhưng xung đột tại khu vực Trung Đông có thể khiến giá nhiên liệu leo thang và cản trở quá trình lạm phát hạ nhiệt. Đối với cả năm 2023, BOK dự báo lạm phát tại Hàn Quốc sẽ ở mức 3,5%.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
23-10	21:00	*	Niềm tin tiêu dùng Eurozone T10	-18,0	-18,0	-18,0
24-10	13:00	***	Lượng thay đổi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tại Anh T9		2.3K	0.9K
24-10	13:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Anh T9		4.3	4.3
24-10	15:00	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T10		43.6	43.4
24-10	15:00	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T10		48.7	48.7
24-10	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Anh T10		44.7	44.3
24-10	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Anh T10		49.4	49.3

## VN-INDEX



VN-Index giảm mạnh, đóng cửa tại 1.093,53 điểm. Áp lực bán tiếp tục diễn ra trong phiên hôm qua, đưa VN-Index về kiểm nghiệm lại vùng 1.090 điểm. Có thể thị trường sẽ tiếp tục rung lắc trong những phiên sắp tới, kiểm nghiệm lại cung cầu quanh vùng giá này.

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**

Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)